

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **24/2019/HNGĐ-ST**

Ngày **09/5/2019**

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Chiến**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

2. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Minh T**- sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích P**– sinh năm 1988 (vắng mặt lần 2 không có lý do)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa anh Trần Minh T trình bày:** Anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thị Bích P tự tìm hiểu nhau khoảng 02 tháng đi đến tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang ngày 29/4/2014.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm giữa con

dâu với mẹ chồng, trong hôn nhân vợ chồng cũng thường xuyên cự cãi trong vấn đề tiền bạc, mỗi khi cự cãi chị P thường xuyên bỏ nhà đi. Trong năm 2017 chị P có làm đơn xin ly hôn, sau đó rút lại. Trong thời gian ly thân từ năm 2015 đến nay vợ chồng cũng không hàn gắn được, thấy tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc nên anh T làm đơn xin ly hôn với chị P.

- Về con chung: Có 01 con tên: Trần Ngọc B- sinh ngày 14/8/2014. Hiện tại cháu B đang sống chung với mẹ là chị P.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa anh T yêu cầu:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T yêu cầu được ly hôn với chị P.

- Về con chung: Anh T đồng ý tiếp tục giao cháu Trần Ngọc B – sinh ngày 14/8/2014 cho chị P nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tòa án có triệu tập chị Nguyễn Thị Bích P để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng chị P vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy báo phiên tòa hợp lệ nhưng chị P vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Bích P.

Xét thấy chị P chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của anh T tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng chị P không đến Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị P chung sống với nhau được UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/4/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của anh T là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì vợ chồng anh chị chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh T cho rằng vợ chồng thường xuyên cãi vã trong vấn đề tiền bạc, mỗi

lần cự cãi chị P bỏ nhà đi, vợ chồng nhiều lần tự hàn gắn cũng không đem lại hạnh phúc. Tại phiên tòa anh T thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, anh Tuấn, chị P đã bỏ mặc nhau, hai bên đã ly thân cuối năm 2015 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T, chị P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T được ly hôn với chị P.

[3] Về quan hệ con chung: Anh T, chị P chung sống có 01 người con tên Trần Ngọc B – sinh ngày 14/8/2014, hiện đang sống với chị P. Anh T thống nhất giao cháu B cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ trước đến nay cháu B được chị P nuôi dưỡng và luôn chăm sóc tốt, đảm bảo được sự phát triển của cháu B. Hội đồng xét xử giao cho chị P tiếp tục nuôi con là phù hợp. Trường hợp chị P có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con, có thể kiện thành một vụ kiện khác và sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản, nợ chung: Anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét. Trường hợp chị P cho rằng có tài sản chung và có tranh chấp, sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác và sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

### **Xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Minh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích P.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Bích P tiếp tục nuôi người con tên Trần Ngọc B - sinh ngày 14/8/2014. Anh Trần Minh T không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Bích P cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Trần Minh T tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản, nữ trang, nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh Trần Minh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005352 ngày 23/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Nguyễn Thị Bích P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Chiến**